

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ
tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019;

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHTN ngày 06/6/2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về Sở hữu trí tuệ và Khen thưởng đối với sản phẩm sở hữu trí tuệ, sản phẩm KH&CN được chuyển giao của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho những văn bản trước đây về sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng chức năng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHCN&HTQT.



PGS.TS. *Trần Văn Điền*

QUY CHẾ

**Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm,
Đại học Thái Nguyên**
(Kèm theo Quyết định số 987/QĐ-ĐHNL ngày 10 tháng 11 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về mục tiêu và nội dung; nhiệm vụ và quyền hạn; quy trình quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi là Trường Đại học Nông Lâm).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học, cán bộ, viên chức và sinh viên của Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 2. Mục tiêu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, sinh viên, các đơn vị thuộc trường và của Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 3. Tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ

1. Tài sản trí tuệ là quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác (quyền đối với sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa trong giáo dục và đào tạo và các đối tượng khác) phát sinh từ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Tài sản trí tuệ bao gồm:

- a) Các giáo trình, bài giảng, bài báo, công trình và các ấn phẩm khoa học;
- b) Kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học (chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ các cấp,...); tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận cho phép ứng dụng tại các địa bàn sản xuất;
- c) Các giống cây trồng; các sáng chế, quy trình công nghệ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp; giấy chứng nhận bản quyền tác giả;
- d) Cơ sở dữ liệu, chương trình máy tính, tài liệu kỹ thuật và các tài sản khác (giải pháp hữu ích và những ý tưởng có khả năng tạo ra sản phẩm hữu hình đáng giá);

2. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

Hoạt động Sở hữu trí tuệ được tổ chức và quản lý thống nhất trong toàn Trường thể hiện qua các nội dung cụ thể sau:

1. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Nông Lâm;
2. Xây dựng chiến lược và các quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Nông Lâm phù hợp với quy định của pháp luật;
3. Xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ phù hợp với kế hoạch KH&CN của Nhà trường;
4. Xây dựng quy trình và tổ chức hoạt động phát hiện, khai báo, ghi nhận tài sản trí tuệ theo các quy định của pháp luật và của Nhà trường;
5. Xác lập quyền sở hữu TSTT; tổ chức đánh giá, khai thác thương mại và phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại TSTT của cá nhân, tổ chức trong trường;
6. Xây dựng cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu về thông tin của các tổ chức, cá nhân trong trường;
7. Tổ chức ươm tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thực hiện chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, TSTT;
8. Sử dụng các nguồn thu từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ;
9. Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong trường; khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Nhà trường thành lập Bộ phận Sở hữu trí tuệ trực thuộc Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế. Hoạt động của Bộ phận Sở hữu trí tuệ do Trưởng Phòng KHCN&HTQT trực tiếp chỉ đạo theo yêu cầu của lãnh đạo Nhà trường.

2. Bộ phận Sở hữu trí tuệ là đầu mối quản lý toàn bộ hoạt động SHTT trong trường và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ;
- b) Tổ chức xây dựng văn bản quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ;
- c) Tổ chức việc khai báo, ghi nhận, quản lý tài sản trí tuệ;
- d) Tổ chức thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
- đ) Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ;
- e) Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
- g) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về SHTT;
- h) Định kỳ hàng năm và 5 năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý hoạt

động SHTT. Đề xuất mức và hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm theo quy định;

i) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định về SHTT phù hợp với sự phát triển của trường trong từng giai đoạn và quy định của pháp luật về SHTT.

Điều 6. Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ được xây dựng trong kế hoạch khoa học và công nghệ của Nhà trường 5 năm và hàng năm, trên cơ sở định hướng phát triển của Nhà trường và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ trước đó. Bộ phận Sở hữu trí tuệ là đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm:

- a) Mục tiêu và chiến lược về sở hữu trí tuệ;
- b) Dự báo các tài sản trí tuệ được phát sinh và xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho các hoạt động sở hữu trí tuệ;
- c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật quốc gia và quốc tế về sở hữu trí tuệ;
- d) Tổ chức hoạt động thông tin sở hữu trí tuệ: xây dựng cơ sở dữ liệu sở hữu trí tuệ phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu về thông tin của các tổ chức, cá nhân trong trường; trang bị phương tiện tra cứu, cung cấp tin cần thiết cho Bộ phận Sở hữu trí tuệ hoạt động hiệu quả;
- d) Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ;
- đ) Tổ chức tiếp nhận khai báo, đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ và tiềm năng thương mại các tài sản trí tuệ;
- e) Tổ chức việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; phân tích đánh giá thị trường thương mại tiềm năng; tổ chức đàm phán, ký kết chuyển giao tài sản trí tuệ;
- g) Xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra tài sản trí tuệ trong trường;
- h) Tổ chức phối hợp với các cơ quan khác trong việc thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường;
- i) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ trong trường.

Điều 7. Phát hiện, đánh giá, phân loại tài sản trí tuệ

1. Các tổ chức, cá nhân (cán bộ, giảng viên, người học) có trách nhiệm phát hiện, thông báo hoặc đăng ký với Bộ phận Sở hữu trí tuệ các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Hàng năm, Bộ phận Sở hữu trí tuệ tổ chức việc đánh giá, phân loại, phát hiện, ghi nhận để bổ sung nguồn tài sản trí tuệ của đơn vị. Có các biện pháp hỗ trợ để hạn chế và tránh thất thoát tài sản trí tuệ của đơn vị.

Điều 8. Xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ

1. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực để tạo ra tài sản trí tuệ, nếu các bên không có các thoả thuận khác;

2. Người học được hưởng một phần hoặc toàn bộ quyền tác giả đối với khoá luận, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học trên cơ sở được người hướng dẫn khoa học và các cộng sự chấp thuận và được đơn vị quản lý xác nhận;

3. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ là cơ sở để xác định tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ đó;

4. Trường Đại học Nông Lâm là chủ sở hữu các tài sản trí tuệ do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của đơn vị mình sáng tạo từ một trong các nguồn sau đây (trừ khi có các thoả thuận khác):

- a) Sử dụng ngân sách Nhà nước;
- b) Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của đơn vị;
- c) Đơn vị giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân thực hiện;
- d) Đơn vị trực tiếp ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

5. Đối với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng khi ký hợp đồng làm việc, phải cam kết bằng văn bản nếu có sản phẩm trí tuệ sáng tạo ra, quyền sở hữu các sản phẩm đó thuộc về Trường Đại học Nông Lâm.

6. Đối với các đề tài, chương trình, dự án có kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu được xác định dựa trên sự thỏa thuận của các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xác định quyền công bố đối với tài sản trí tuệ

1. Việc công bố tài sản trí tuệ thực hiện theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến khả năng thương mại tài sản trí tuệ của chủ sở hữu;

2. Quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (chương trình, dự án, đề tài KH&CN cấp Trường, cấp Đại học Thái Nguyên, cấp Bộ, cấp Nhà nước...) thuộc về Trường Đại học Nông Lâm không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ, trừ trường hợp các bên tham gia có thoả thuận khác.

3. Trường hợp Nhà trường hoặc đơn vị chủ sở hữu không thực hiện việc công bố kết quả nghiên cứu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kết quả nghiên cứu được hội đồng khoa học của cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu mà không có lý do thỏa đáng, thì tác giả tạo của các kết quả nghiên cứu được thực hiện quyền công bố.

Điều 10. Xác định quyền tác giả, quyền chủ sở hữu quyền tác giả

1. Quyền tác giả đối với sản phẩm trí tuệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong trường hợp có 2 người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra thì họ là đồng tác giả.

a) Quyền nhân thân:

- Được đặt tên cho sản phẩm, tác phẩm;
- Được đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng;
- Được công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản:

- Sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; chuyển giao tác phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- Quyền tài sản của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi và quyền nhận thù lao theo quy định của Luật SHTT.

2. Quyền của chủ sở hữu quyền tác giả

a) Các quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này do tác giả, Trường Đại học Nông Lâm độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT.

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả;

c) Sản xuất hoặc nhân giống, chế biến nhằm mục đích nhân giống, chào hàng, bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu giữ giống;

d) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT;

đ) Định đoạt đối tượng SHTT theo quy định của Luật SHTT.

Điều 11. Bảo mật thông tin về sở hữu trí tuệ

Bộ phận Sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân thuộc Trường Đại học Nông Lâm có nghĩa vụ bảo mật các thông tin liên quan trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ có khả năng ảnh hưởng đến quyền công bố, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ của đơn vị

Điều 12. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ

1. Bộ phận Sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các tài sản trí tuệ của trường, kể cả tài sản trí tuệ được xác định thuộc quyền của nhiều chủ sở hữu.

2. Đối với tài sản trí tuệ tự xác lập quyền sở hữu (bí mật kinh doanh, tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) khi đáp ứng các điều kiện luật định, Bộ phận Sở hữu trí tuệ tiến hành lưu giữ và bảo vệ các chứng cứ về việc phát sinh quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ này.

3. Đối với tài sản trí tuệ (phát minh, sáng chế, giống cây trồng và các đối tượng khác) phải xác lập quyền sở hữu theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc đối với tài sản trí tuệ (tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) có thể đăng ký để giám nghĩa vụ chứng minh quyền, Bộ phận Sở hữu trí tuệ tiến hành thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Chi phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ do Nhà trường và đơn vị thuộc trường chi trả. Chi phí duy trì và bảo hộ do các bên chủ sở hữu và tác giả chi trả theo thoả thuận. Kinh phí thực hiện xác lập quyền sở hữu trí tuệ và phí duy trì được hạch toán trong kinh phí hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường/đơn vị.

Điều 13. Khai thác và thương mại hoá các tài sản trí tuệ

1. Định kỳ hàng năm, Nhà trường thành lập hội đồng đánh giá khả năng thương mại tài sản trí tuệ theo các nội dung sau:

- a) Phân loại, đánh giá khả năng thương mại hoá các tài sản trí tuệ.
- b) Xác định các yếu tố tác động và lập danh sách các đối tác tiềm năng có nhu cầu sử dụng tài sản trí tuệ.
- c) Xác lập và đánh giá hình thức khai thác thương mại.
- d) Xác định các biện pháp hỗ trợ và cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia quá trình thương mại hoá tài sản trí tuệ.

2. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm xây dựng chính sách và biện pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa khả năng thương mại các tài sản trí tuệ của đơn vị mình theo các nguyên tắc:

- a) Ưu tiên chuyển giao cho các đồng sở hữu và các bên đã cùng tham gia vào quá trình tạo ra tài sản trí tuệ.
- b) Dành một tỷ lệ thích hợp của thu nhập từ hoạt động thương mại tài sản trí tuệ để phát triển hoạt động sáng tạo trong đơn vị.

3. Tác giả có trách nhiệm cùng với đơn vị tìm các biện pháp để khai thác khả năng thương mại tài sản trí tuệ do mình tạo ra. Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và đơn vị phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá sản phẩm trí tuệ của mình.

Điều 14. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin

1. Trường Đại học Nông Lâm xây dựng hệ thống thông tin - thư viện và cơ sở dữ liệu KH&CN, TSTT; Tổ chức quản lý, đầu mối lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin KH&CN, SHTT cho các đơn vị trực thuộc; Tổ chức công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học chuyên ngành, công bố các kết quả SHTT trên website của trường; Giao cho Phòng KH&CN&HTQT phối hợp với Thư viện trường lưu trữ các kết quả nghiên cứu, thông tin KH&CN, thông tin về TSTT của Nhà trường;

2. Các đơn vị trực thuộc tham gia xây dựng hệ thống thông tin - thư viện và cơ sở dữ liệu khoa học, TSTT của Nhà trường; Khai thác, sử dụng và công bố các kết quả nghiên cứu khoa học, SHTT cho nghiên cứu, giảng dạy, sản xuất và đời sống theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ươm tạo và phát triển thị trường

1. Nhà trường tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch ươm tạo và phát triển thị trường KH&CN chung và điều phối thị trường KH&CN; Sở hữu hợp pháp toàn bộ các tài sản trí tuệ do Nhà trường chủ trì;

2. Các đơn vị trực thuộc trường cung cấp các kết quả nghiên cứu để phát triển chương trình ươm tạo và thị trường KH&CN; Đăng ký kết quả ươm tạo các tài sản trí tuệ với các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

1. Tác giả không phải là chủ sở hữu, không được quyền chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng...) dưới bất cứ hình thức nào.

2. Việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ phải có sự thoả thuận giữa chủ sở hữu, tác giả và bên nhận chuyển giao về nội dung, hình thức, phạm vi, giá cả và phù hợp với các quy định của Luật sở hữu trí tuệ.

Điều 17. Tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ

Nguồn tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

2. Nguồn thu hợp pháp cho hoạt động KH&CN theo quy định tại Nghị định 99/2014/CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học;

3. Vốn tài trợ, vốn vay từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ; vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

4. Nguồn kinh phí trích từ hoạt động khai thác, thương mại hóa các TSTT;

5. Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

1. Hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ:

a) Xin cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp ... theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Xin cấp Bảo hộ giống cây trồng theo hướng dẫn của Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

c) Xin cấp Bản quyền tác giả đối với các ấn phẩm theo hướng dẫn của Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ phận Sở hữu trí tuệ và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xây dựng quy trình, thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ; hướng dẫn thực hiện cho cán bộ, viên chức, sinh viên và học viên thuộc Trường Đại học Nông Lâm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm:

a) Thành lập Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ;

b) Chỉ đạo xây dựng chiến lược và quy định về sở hữu trí tuệ;

c) Chỉ đạo các bộ phận, đơn vị liên quan phối hợp với Bộ phận Sở hữu trí tuệ thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ;

d) Quyết định tỷ lệ phân phối lợi ích thu được do khai thác, thương mại TSTT theo quy định của pháp luật. Quyết định việc chuyển giao quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền khai thác .. tài sản trí tuệ của Nhà trường.

đ) Quyết định kinh phí, thiết bị ...đầu tư cho hoạt động SHTT;

e) Chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát hoạt động SHTT; quyết định hình thức khen thưởng và kỷ luật trong hoạt động SHTT;

2. Trách nhiệm của Trưởng phòng KH&CN&HTQT:

a) Chỉ đạo Bộ phận Sở hữu trí tuệ thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ trong kế hoạch KH&CN chung của Nhà trường;

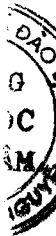
b) Kiểm tra, giám sát hoạt động sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

3. Trách nhiệm của Bộ phận Sở hữu trí tuệ

a) Triển khai kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ trong toàn trường. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ;

b) Đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ. Lập kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động SHTT;

c) Đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật trong hoạt động SHTT.



4. Trách nhiệm của Trưởng các đơn vị (Khoa, Viện, Trung tâm)

Trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ trong đơn vị, cụ thể:

- a) Phối hợp chặt chẽ với bộ phận chuyên trách thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm của đơn vị;
- b) Đôn đốc cán bộ, viên chức, giảng viên và người học thực hiện các quy định SHTT của Nhà trường; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đã đề ra của đơn vị;
- c) Quy định tỷ lệ phân chia lợi ích thu được do khai thác thương mại tài sản trí tuệ của đơn vị phù hợp với quy định của Nhà trường và không trái với các quy định của pháp luật;
- d) Quy định và giám sát việc chuyển giao quyền đăng ký, quyền khai thác thương mại tài sản trí tuệ của đơn vị;
- đ) Triển khai xây dựng các biện pháp khuyến khích cá nhân, tập thể phát triển hoạt động sáng tạo để tạo ra tài sản trí tuệ và chuyển giao quyền đối với các tài sản này cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu.

5. Trách nhiệm của cá nhân cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên...:

- a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và của Nhà trường trong hoạt động sở hữu trí tuệ;
- b) Đề xuất với lãnh đạo đơn vị và Bộ phận SHTT những giải pháp phù hợp, hiệu quả trong đăng ký, thương mại, chuyển giao ... các tài sản trí tuệ.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ

1. Các tranh chấp về sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải.
2. Bộ phận Sở hữu trí tuệ là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ trong trường.
3. Trong trường hợp hòa giải không thành, Bộ phận Sở hữu trí tuệ đề xuất hướng xử lý, báo cáo Hiệu trưởng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy chế quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm được khen thưởng theo quy định của pháp luật;
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế các văn bản trước đây về sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Nông Lâm. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời. /.